

Bản án số: **207/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 20-02-2020
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Vũ Thúy Hằng.

Ông Trần Văn Cảnh.

- Thư ký phiên tòa:

Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 20 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 555/2019/TLST-HNST ngày 09 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 191/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2020; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1971; địa chỉ: Số 113/8B đường M, Phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà **Ruth J**, sinh năm 1987; quốc tịch: Iceland; địa chỉ: Iceland.

(Các đương sự đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông và bà Ruth J quen biết nhau từ năm 2017 do người bạn giới thiệu, hai người làm quen và nói chuyện qua mạng xã hội Facebook. Đến ngày 20 tháng 12 năm 2018, bà Ruth J về Việt Nam, ông và bà Ruth J quyết định đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 31 tháng 01 năm 2019; việc hai người kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà Ruth J trở về Iceland, vợ chồng ông dần ít liên hệ với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng cũng phai nhạt. Theo ông được biết,

bà Ruth J cũng đã có quan hệ tình cảm với người khác. Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn vì cuộc sống hôn nhân của ông không hạnh phúc.

Về con chung: Giữa ông và bà Ruth J không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa ông và bà Ruth J không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản.

Tại Bản tự khai ngày 12 tháng 12 năm 2019 (đã được Đại sứ quán Việt Nam tại Đan Mạch chứng nhận/hợp pháp hóa lãnh sự ngày 19 tháng 12 năm 2019) bị đơn bà Ruth J trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Văn S có quan hệ tình cảm từ năm 2017, sau một khoảng thời gian bên nhau, hai người đã quyết định kết hôn và tổ chức đám cưới tại Việt Nam. Ngày 31 tháng 01 năm 2018, bà và ông S đăng ký kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Sau đó, do công việc nên bà phải trở về Iceland. Trong 02 năm sống xa cách, bà đã có tình cảm với người khác nên đề nghị ông S thực hiện thủ tục ly hôn và ông S đồng ý vì đây là giải pháp tốt nhất cho cả hai người. Giữa bà và ông Nguyễn Văn S không có con chung, không có tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là bà Ruth J, quốc tịch Iceland, hiện đang cư trú tại Iceland; nguyên đơn ông Nguyễn Văn S cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều đã có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Xét, yêu cầu và ý kiến của đương sự đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Trong vụ án này, các đương sự đã tự giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án; bị đơn trong vụ án là bà Ruth J hiện đang định cư ở nước ngoài nhưng đã có bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; các đương sự cùng thừa nhận có mâu thuẫn và không còn thực tế chung sống, Tòa án không tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, không thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung:

Căn cứ bản tự khai của các đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 31 tháng 01 năm 2019 do Ủy ban nhân dân Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện, được pháp luật thừa nhận.

Theo trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S và bị đơn bà Ruth J, cuộc sống hôn nhân của hai người hạnh phúc. Tuy nhiên, do bà Ruth J trở về Iceland tiếp tục công việc nên tình cảm vợ chồng đã dần phai nhạt. Ông S và bà Ruth J cùng yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn S và bà Ruth J chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó, do khoảng cách về địa lý mà việc liên hệ giữa hai người đã không còn, tình cảm cũng dần phai nhạt. Cảnh sống mỗi người một nơi cản trở việc hàn gắn đoàn tụ gia đình, bà Ruth J thừa nhận đã có tình cảm với người khác và chủ động đề nghị ly hôn, ông Nguyễn Văn S đồng ý và khởi kiện tại Tòa án. Điều này thể hiện cuộc sống hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho ông Nguyễn Văn S được ly hôn với bà Ruth J.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Ruth J cùng trình bày giữa hai người không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; do Tòa án không thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp ra nước ngoài nên nguyên đơn được nhận lại khoản tiền tạm ứng chi phí thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 21, Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 19, 56, 57, 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn S:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn S được ly hôn bà Ruth J. Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 31 tháng 01 năm 2019 do Ủy ban nhân dân Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Ruth J cùng trình bày giữa hai người không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng khác:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đương sự đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0024663 ngày 08 tháng 10 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S được nhận lại 3.000.000 (Ba triệu) đồng tiền tạm ứng chi phí thực hiện ủy thác tư pháp ra nước ngoài đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2019/0024285 ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, nhận tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn bà Ruth J cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Quận 8, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tuấn



HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Cảnh

Lê Vũ Thúy Hằng

Nguyễn Văn Tuấn

